TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **94**/2026/HNGĐ-ST. Ngày: 15/05/2026. V/v Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa***: Không.

Trong ngày 15 tháng 05 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 299/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 41/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Ngọc H**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp T, xã B, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc H trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Năm 2019 chị Phan Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, chị H và anh Đ được gia đình hai bên tổ chức

lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/2024. Thời gian đầu, chị và anh Đ chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau này thì chị và anh Đ bắt đầu xảy ra mâu thuẫn mà chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ thường xuyên rượu chè, không lo làm ăn nên chị và anh Đ có cự cãi nhau. Từ đó chị và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2024 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị H làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Chị H xác định quá trình chung sống với nhau, giữa chị và anh Đ không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ**:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Tấn Đ đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn Nguyễn Tấn Đ có nơi cư trú tại ấp T, xã B, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Phan Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tấn Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/2024. Như vậy, hôn nhân giữa chị Phan Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tấn Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống với nhau; theo chị H trình bày là do anh Đ thường xuyên rượu chè, không lo làm ăn nên chị và anh Đ có cự cãi nhau, sau đó chị và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2024 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân giữa chị và anh Đ không còn quan tâm hay liên lạc cũng như không thực hiện nghĩa vụ chung vợ chồng với nhau; chị H khẳng định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó chị H cương quyết ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

Mặc khác, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng Toà án không nhận được ý kiến trả lời của anh Đ, điều này chứng tỏ anh Đ không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị Phan Thị Ngọc H.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, chị H có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phan Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

[3.2] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Chị H xác định chị và anh Đ không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phan Thị Ngọc H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 BLTTDS năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

2/ Về quan hệ con chung: Không xét.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011425 ngày 11/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị H không phải nộp thêm, anh Đ không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/5/2026). Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hồng Điệp